TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23/4/2019
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hằng

Bà Thạch Thị Lan Nhung

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Phương – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: ông Mai Trường Trinh– Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Tòa án Lâm Hà giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Thôn x, xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Thôn x, xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị H có mặt, anh C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày: Chị H và anh C xây dựng gia đình với nhau năm 2010, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An vào ngày 10/02/2010. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C bị áp lực công việc nên về nhà thường cáu gắt với vợ con, thường xuyên vắng nhà không còn sự

quan tâm chăm sóc vợ con nên vợ chồng thường xảy ra bất đồng. Thậm chí có những lúc không tự kiềm chế được, vợ chồng xảy ra tranh cãi và anh C đã đánh chị phải nhập viện điều trị nhưng sau đó tình cảm vợ chồng vẫn không thể cải thiện được. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên chị H yêu cầu được ly hôn. Về con chung chị H xác định vợ chồng có một con chung là Trần Phạm Gia H, sinh ngày 24/10/2012. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng. Về tài sản chung chị H đề nghị tự thỏa thuận với anh C và nợ chung chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Ngoài ra, chị H không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Trần Văn C trình bày: anh và chị H kết hôn với nhau năm 2010 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H không chăm lo cho gia đình mà thường hay đi chơi với bạn bè, anh C đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng chị H không tiếp thu nên vợ chồng thường hay cãi nhau. Nay chị H làm đơn xin ly hôn thì anh không đồng ý vì anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng có thể giải quyết được và anh mong muốn vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau để nuôi dạy con. Về con chung anh C xác định có một cháu là Trần Phạm Gia H, sinh ngày 24/10/2012. Anh C cho rằng nếu vợ chồng phải ly hôn thì ai nuôi con, người đó phải có trách nhiệm với con, còn người không nuôi con thì tùy vào khả năng kinh tế mà hỗ trợ một phần để lo cho con và anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung anh C đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận, về nợ chung anh C xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh C vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị H. Về con chung: Giao con là Trần Phạm Gia H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về việc cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung các đương sự đề nghị tự thỏa thuận và nợ chung các đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn C theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và Trần Văn C xây dựng gia đình với nhau vào tháng 02/2010, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An vào ngày 10/02/2010. Cuộc sống chung của vợ chồng không được hòa thuận hạnh phúc nên chị H làm đơn xin ly hôn. Tại phiên tòa, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, còn anh C vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Xét thấy, vợ chồng chị H và anh C phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không thông cảm chia sẻ với nhau trong cuộc sống, hơn nữa lại không tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm nên thường hay cãi nhau. Tuy nhiên, vợ chồng lại không cố gắng tìm biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng mà xử sự thiếu kiềm chế, anh C thì thường hay cáu gắt với vợ con thậm chí đánh vợ còn chị H thì buông xuôi không cố gắng tìm biện pháp nhằm cải thiện quan hệ hôn nhân mà tự ý làm những việc mình thích khiến cho mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng hơn. Do không tìm được biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng nên chị H và anh C đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay không còn sự quan tâm chăm sóc nhau. Mặt khác, anh C không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có thiện chí để cải thiện quan hệ hôn nhân này, cụ thể trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh C nhưng anh C đều vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Vì vậy, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H, xử cho chị Phạm Thị H và anh Trần Văn C được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Chị H và anh C có một con chung là Trần Phạm Gia H, sinh ngày 24/10/2012. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Thị H đề nghị được nuôi con và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đồng/tháng nhưng anh C không đồng ý cấp dưỡng. Tại phiên tòa chị H thay đổi ý kiến đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mà hai bên sẽ tự thỏa thuận với nhau về việc cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Hân còn nhỏ, lại là con gái nên cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn, mặt khác theo chị H trình bày thì hiện nay anh C đã chuyển công tác xa nhà theo sự điều động của tổ chức,

cháu Hân vẫn sống cùng với chị. Vì vậy, căn cứ Điều 81 luật hôn nhân và gia đình, để đảm bảo sự ổn định về việc học tập và sinh hoạt của con cần giao con cho chị Phạm Thị H có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh C đều có nguyện vọng được tự thỏa thuận về tài sản và đều xác định không có nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết về phần tài sản chung và nợ chung trong vụ án này. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp về vấn đề tài sản chung, nợ chung và có yêu cầu khởi kiện thì sẽ xem xét bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Buộc chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phạm Thị H, xử cho chị Phạm Thị H và anh Trần Văn C được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con là Trần Phạm Gia H, sinh ngày 24/10/2012 cho chị Phạm Thị H có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Phạm Thị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000946 ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, chị Phạm Thị H đã nộp đủ án phí.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự".

Báo cho chị Phạm Thị H biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/4/2019). Riêng anh Trần Văn C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng.
- VKSND huyện Lâm Hà.
- THADS huyện Lâm Hà.
- UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.
- Các đương sự.
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy